

<p>sinh đã chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét</li> <li>- Giáo viên giới thiệu dựa vào kết quả quan sát về trường học để lập dàn ý cho bài văn tả trường học, viết một đoạn văn trong bài này.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh lắng nghe - Ghi vở</li> </ul>
<p><b>2. HĐ thực hành: (25 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b> Lập được dàn ý cho bài văn tả ngôi trường đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn được những nét nổi bật để tả ngôi trường.</p> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b><u>Bài 1:</u> HĐ nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu và các lưu ý SGK.</li> <li>- Giáo viên đưa câu hỏi gợi ý.</li> <li>+ Đối tượng em định miêu tả cảnh là gì?</li>   <li>+ Thời gian em quan sát vào lúc nào?</li> <li>+ Em tả những phần nào của cảnh?</li>   <li>+ Tình cảm của em đối với mái trường ntn ?</li>   <li>- Yêu cầu học sinh tự lập dàn ý.</li> <li>Lưu ý: đọc kỹ phần lưu ý.</li> <li>+ Xác định góc quan sát, đặc điểm chung và riêng của cảnh vật. Quan sát bằng nhiều giác quan: màu sắc, âm thanh, đường nét, hương vị, sắc thái, chú ý các điểm nổi bật gây ấn tượng.</li> <li>- Trình bày kết quả</li> <li>- Giáo viên nhận xét, sửa chữa</li> <li>- <b>Mở bài:</b></li> <li>+ Trường em là trường Tiểu học Xuân Trúc.</li> <li>+ Ngôi trường khang trang nằm ở trung tâm xã, ngay sát con đường to trải bê tông phẳng lỳ.</li> <li>- <b>Thân bài:</b> Tả từng phần của trường.</li> <li>+ Nhìn từ xa: ngôi trường xinh xắn hiện hoà dưới những cây cổ thụ.</li> <li>+ Trường: tường sơn màu vàng thật sang trọng.</li> <li>+ Cổng trường sơn màu xanh đậm.</li> <li>+ Sân trường đổ bê tông, lát gạch kiên cố.</li> <li>+ Bàn, phượng, hoa sữa như cái ô khổng lồ che mát sân trường.</li> <li>Giờ chơi sân trường thật là nhộn nhịp.</li> <li>+ Lớp học : dãy nhà 2 tầng với các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có đèn điện, quạt trần, cửa sổ và cửa ra vào sơn màu xanh rất đẹp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc yêu cầu bài, lớp theo dõi</li> <li>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm</li> <li>- Lần lượt từng em nêu ý kiến của mình : Ngôi trường của em</li> <li>- Buổi sáng/trước buổi học/sau giờ tan học.</li> <li>+ Tả cảnh sân trường.</li> <li>+ Lớp học, vườn trường, phòng truyền thống, hoạt động của thầy và trò.</li>   <li>- 1 HS( M3,4) viết bảng nhóm, HS còn lại viết vào vở.</li>   <li>- Học (M3,4) trình bày.</li> </ul>

+ Bàn ghế: ngay ngắn gọn gàng. + Thư viện: có nhiều sách báo. - <b>Kết bài:</b> em yêu quý, tự hào về trường em <b>Bài 2: HD cá nhân</b> - Gọi HS đọc yêu cầu - Em chọn đoạn văn nào để miêu tả?  - Yêu cầu HS tự làm bài: viết một đoạn phần thân bài - HS trình bày phần viết của mình. - Giáo viên nhận xét	- Học sinh đọc yêu cầu. - Tả sân trường. - Tả lớp học. - Học sinh làm cá nhân  - HS trình bày kết quả - Lớp theo dõi nhận xét
<b>3. HD ứng dụng: (3 phút)</b>	
- Trong đoạn văn em vừa viết thì em thích nhất hình ảnh nào ? Vì sao ?	- HS nêu
<b>4. HD sáng tạo: (2 phút)</b>	
- Về nhà viết lại đoạn văn chưa đạt.	- Lắng nghe và thực hiện

### Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

## Toán LUYỆN TẬP

### I. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức:** Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “ tìm tỉ số”. HS cả lớp làm được bài 1, 2 .

**2. Kỹ năng:** Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “ tìm tỉ số”

**3. Thái độ:** Yêu thích học môn toán, cẩn thận, chính xác

### 4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

### II. CHUẨN BỊ

#### 1. Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ...

- HS : SGK, bảng con

#### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành...

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. HD khởi động: (5 phút)</b>	

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi trò chơi: <i>Trời - Đất- Nước</i> (GV hô Trời, HS phải nêu tên được 1 con vật sống trên trời, hô Cá, HS phải nói được là Nước,...)</li> <li>- Nêu mối quan hệ giữa các đại lượng tỉ lệ nghịch.</li> <li>- GV nhận xét</li> <li>- Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trò chơi để tạo không khí vui vẻ trước khi vào giờ học.</li> <li>- 2 học sinh nêu</li> <li>- Lớp nhận xét</li> <li>- HS ghi vở</li> </ul>
<p><b>2. HĐ thực hành: (25 phút)</b>  <b>*Mục tiêu:</b> Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “tìm tỉ số”. HS cả lớp làm được bài 1, 2 .  <b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1: HĐ nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Cho HS thảo luận nhóm để làm bài</li> <li>+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?</li> <li>+ Cùng số tiền đó, khi giá tiền 1 quyển vở giảm đi số lần thì số quyển vở thay đổi như thế nào?</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh nêu bước tìm “tỉ số” trong bài giải</li> <li>- Giáo viên đánh giá</li> </ul> <p><b>Bài 2: HĐ cặp đôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi làm bài theo gợi ý:</li> <li>+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?</li> <li>+ Tổng thu nhập của gia đình không đổi, khi tăng số con thì thu nhập bình quân của mỗi người hàng tháng thay đổi như thế nào?</li> <li>+ Muốn biết trung bình hàng tháng của 1 người giảm bao nhiêu, chúng ta phải làm gì ?</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm bài.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>Tóm tắt:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề, lớp đọc thầm</li> <li>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận</li> <li>- Số quyển vở mua được sẽ gấp lên bấy nhiêu lần</li> <li>- Học sinh làm theo 2 cách</li> <li><b>* Cách 1 :</b>  Người đó có số tiền là:  <math>3000 \times 25 = 75.000</math> (đồng).  Nếu 1 quyển giá 1500 đồng thì mua được số quyển là:  <math>75.000 : 1500 = 50</math> (quyển).  Đáp số : 50 quyển</li> <li><b>*Cách 2:</b>  3.000 đồng gấp 1500 đồng số lần là:  <math>3.000 : 1500 = 2</math> (lần).  Nếu 1 quyển giá 1500 đồng thì mua được số vở là:  <math>25 \times 2 = 50</math> (quyển)  Đáp số : 50 quyển</li> <li>- Học sinh đọc đề, HS đọc thầm, thảo luận cặp đôi làm bài.</li> <li>- Tổng thu nhập không đổi, khi số người tăng thu nhập bình quân của một người sẽ giảm.</li> <li>- Tính xem khi có 4 người thì thu nhập trung bình hàng tháng của mỗi người là bao nhiêu.</li> <li>- Học sinh làm bài cặp đôi, đổi vở để kiểm tra chéo.</li> </ul>

<p>3 người : 800.000 đồng / người / tháng 4 người : ... đồng / người / tháng</p>	<p style="text-align: center;"><i>Giải</i></p> <p>Tổng thu nhập của gia đình đó là: 800 000 x 3 = 2 400 000 (đồng) Khi có thêm 1 con thì thu thập trung bình của một người là: 2.400.000 : 4 = 600.000 (đồng) Trung bình hàng tháng mỗi người giảm: 800 000 - 600 000 = 200 000 (đồng) Đáp số: 200 000 đồng</p>
<p><b>4. HĐ ứng dụng: (3 phút)</b></p>	
<p>- Yêu cầu HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau: <i>Cứ 10 công nhân trong một ngày sửa được 40 m đường. Với năng suất như vậy thì 20 công nhân làm trong một ngày sẽ sửa được bao nhiêu mét đường?</i></p>	<p>- HS làm bài</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải :</i></p> <p><i>20 công nhân gấp 10 công nhân số lần là:</i> <math>20 : 10 = 2</math> (lần) <i>20 công nhân sửa được số m đường là :</i> <math>40 \times 2 = 80</math> (m) <i>Đáp số : 80 m.</i></p>
<p><b>5. HĐ sáng tạo: (2 phút)</b></p>	
<p>- Về nhà vận dụng kiến thức làm bài tập sau: <i>Có một nhóm thợ làm đường, nếu muốn làm xong trong 6 ngày thì cần 27 công nhân. Nếu muốn xong trong 3 ngày thì cần bao nhiêu công nhân?</i></p>	<p>- HS nghe và thực hiện</p>

**Điều chỉnh - Bổ sung:**

.....  
.....

*Luyện từ và câu*  
**LUYỆN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA**

**I. MỤC TIÊU**

- Kiến thức:** Biết tìm những từ trái nghĩa để miêu tả theo yêu cầu của BT4 (chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý: a, b, c, d). HS( M3,4)thuộc được 4 thành ngữ tục ngữ ở BT1, làm được toàn bộ bài BT4.
- Kĩ năng:** Tìm được các từ trái nghĩa theo yêu cầu của BT1, BT2 (3trong số 4 câu), BT3. Đặt được câu để phân biệt 1 cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT4 (BT5).
- Thái độ:** Thích tìm từ trái nghĩa để giải nghĩa một số từ cần thiết.
- Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

**II. CHUẨN BỊ**

### 1. Đồ dùng

- GV: Bút dạ, bảng nhóm viết nội dung bài 1, 2, 3. Từ điển HS.
- HS: SGK, vở

### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thảo luận nhóm...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. HĐ khởi động: (3 phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS tổ chức trò chơi "Truyền điện" với các câu hỏi:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Thế nào là từ trái nghĩa ?</li><li>+ Từ trái nghĩa có tác dụng gì ?</li><li>+ Đặt câu với một cặp từ trái nghĩa ?</li></ul></li><li>- Giáo viên nhận xét</li><li>- Giới thiệu bài: Ghi đầu bài</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh chơi trò chơi</li><li>- HS nghe</li><li>- HS ghi vở</li></ul>
<b>2. HĐ thực hành (27 phút)</b> <b>*Mục tiêu:</b> Biết tìm những từ trái nghĩa để miêu tả theo yêu cầu của BT4 (chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý: a, b, c, d). HS (M3,4) thuộc được 4 thành ngữ tục ngữ ở BT1, làm được toàn bộ bài BT4. <b>*Cách tiến hành:</b>	
<b><u>Bài 1: HĐ cá nhân</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li><li>- Yêu cầu học sinh tự làm bài, giáo viên gợi ý: chỉ gạch chân dưới các từ trái nghĩa có trong các câu thành ngữ.</li><li>- Em hiểu nghĩa của các câu thành ngữ tục ngữ trên là gì ?</li><li>- Yêu cầu học sinh học thuộc những câu thành ngữ, tục ngữ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh đọc yêu cầu</li><li>- HS làm vở</li><li>+ <i>ít / nhiều; chìm / nổi</i></li><li>+ <i>Nắng / mưa; trẻ / già</i></li><li>- HS nêu</li></ul>
<b><u>Bài 2: HĐ cá nhân</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li><li>- Yêu cầu học sinh tự làm bài</li><li>- Giáo viên nhận xét</li><li>- Yêu cầu HS đọc lại các câu đã điền</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh nhẩm thuộc.</li><li>- Học sinh đọc yêu cầu.</li><li>- HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả:</li><li>- Các từ điền vào ô trống: <i>lớn, già, dưới, sống.</i></li></ul>
<b><u>Bài 3: HĐ cá nhân</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li><li>- Giáo viên cho học sinh làm bài cá nhân</li><li>- Giáo viên nhận xét đánh giá.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS đọc</li><li>- Học sinh làm bài</li><li>+ <i>Việc nhỏ nghĩa lớn.</i></li><li>+ <i>Áo rách khéo vá hơn lành vụng may</i></li><li>+ <i>Thức khuya dậy sớm.</i></li></ul>
<b><u>Bài 4: HĐ nhóm</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li><li>- Chia 4 nhóm yêu cầu học sinh thảo luận.</li><li>- Tìm từ trái nghĩa ở mỗi phần.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh đọc yêu cầu</li><li>- Các nhóm thảo luận viết vào phiếu các cặp từ trái nghĩa theo</li></ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lưu ý: mỗi nhóm một phần.</li> <li>- Gọi ý: các từ trái nghĩa thường có cấu tạo giống nhau: hoặc cùng là từ đơn hoặc cùng là từ ghép hay từ láy.</li> <li>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</li> </ul> <p><b>Bài 5: HĐ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu học sinh tự làm bài.</li> <li>- Giáo viên hướng dẫn có thể đặt câu chứa cả cặp từ hoặc 2 câu mỗi câu chứa 1 từ.</li> <li>- Giáo viên nhận xét, sửa chữa.</li> </ul>	<p>nội dung giáo viên yêu cầu.</p> <p>a. Tả hình dáng :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>cao / thấp, cao vồng / lùn tịt</i></li> <li>+ <i>to / bé, to xù / bé tí...</i></li> </ul> <p>- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>- Học sinh đọc yêu cầu.</p> <p>- HS nối tiếp nhau đọc câu mình đặt.</p>
<p><b>3. HĐ ứng dụng: (3 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS tìm từ trái nghĩa trong câu thơ sau: <i>Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay, Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu</li> </ul>
<p><b>4. HĐ sáng tạo: (2 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về nhà viết một đoạn văn ngắn tả cảnh chiều tối có sử dụng các cặp từ trái nghĩa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe và thực hiện</li> </ul>

**Điều chỉnh - Bổ sung:**

.....

.....

.....

**Thứ sáu ngày 28 tháng 9 năm 2018**

***Tập làm văn***

**TẢ CẢNH (KIỂM TRA VIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Viết được bài văn miêu tả hoàn chỉnh có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), thể hiện rõ sự quan sát và chọn lọc chi tiết miêu tả.

**2. Kỹ năng:** Diễn đạt thành câu; bước đầu biết dùng từ ngữ, hình ảnh gợi tả trong bài văn.

**3. Thái độ:** Yêu thích làm văn.

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ**

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- GV: SGK

- HS : SGK, vở viết

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học**

- Thực hành, giảng giải,....

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

.....

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. HD khởi động: (5 phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:</li> <li>- Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh ?</li> <li>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</li> <li>- Giới thiệu bài - Ghi bảng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chuẩn bị bài</li> <li>- Học sinh trình bày</li> <li>- Lắng nghe</li> <li>- HS ghi vở</li> </ul>
<b>2. HD thực hành: (25 phút)</b>	
<p><b>*Mục tiêu:</b> Viết được bài văn miêu tả hoàn chỉnh có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), thể hiện rõ sự quan sát và chọn lọc chi tiết miêu tả.</p> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>* Hướng dẫn HS làm bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV treo bảng phụ ghi sẵn đề bài.</li> </ul> <p style="padding-left: 20px;"><i>Đề bài :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tả cảnh một buổi sáng (hoặc trưa, chiều) trong một vườn cây (hay trong công viên, trên đường phố, trên cánh đồng, nương rẫy)</li> <li>2. Tả một cơn mưa.</li> <li>3. Tả ngôi nhà của em ( căn hộ, phòng ở của gia đình em)</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề bài yêu cầu gì?</li> <li>- Yêu cầu học sinh viết bài</li> <li>- Giáo viên quan sát, nhắc học sinh làm bài và cách trình bày bài khoa học.</li> </ul> <p><b>* Thu bài</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc to đề bài</li> <li>- Học sinh nhắc lại yêu cầu bài, chọn đề bài.</li> <li>- Học sinh viết bài vào vở.</li> <li>- HS nghe và thực hiện</li> <li>- Học sinh thu bài</li> </ul>
<b>3. HD ứng dụng: (3 phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Em viết mở bài theo kiểu nào ? Kết bài theo kiểu nào ?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu</li> </ul>
<b>4. HD sáng tạo: ( 2 phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về nhà chọn một đề bài khác trong 3 đề trên để tả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và thực hiện.</li> </ul>

**Điều chỉnh - Bổ sung:**

.....

.....

-----

**Toán**  
**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS làm bài 1, bài 2, bài 3.

**2. Kỹ năng:** Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

**3. Thái độ:** Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.

-----

#### 4. Năng lực:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

## II. CHUẨN BỊ

### 1. Đồ dùng dạy học

- GV: SGK, bảng phụ...
- HS : SGK

### 2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. HĐ khởi động: (5 phút)</b>	
- Cho HS hát tập thể - Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng	- HS hát - HS ghi vở
<b>2. HĐ thực hành: (25 phút)</b> * <b>Mục tiêu:</b> Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS làm bài 1, bài 2, bài 3. * <b>Cách tiến hành:</b>	
<b><u>Bài 1: HĐ cá nhân</u></b> - Gọi HS đọc đề bài - Bài toán thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân - Yêu cầu học sinh nêu các bước giải - Giáo viên nhận xét	- Học sinh đọc đề, lớp đọc thầm. - Dạng toán tổng - tỉ. - HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả - HS nêu <p style="text-align: center;">Giải</p> Số học sinh nam là: $28: (2 + 5) \times 2 = 8 \text{ (em)}$ Số học sinh nữ là: $28 - 8 = 20 \text{ (em)}$ Đáp số: 8 em nam 20 em nữ
<b><u>Bài 2: HĐ cá nhân</u></b> - Gọi HS đọc đề bài - Hướng dẫn học sinh làm tương tự - Giáo viên nhận xét	- HS đọc - HS làm vở, báo cáo kết quả <p style="text-align: center;">Giải</p> Chiều rộng của mảnh đất là: $15: (2 - 1) = 15 \text{ (m)}$ Chiều dài mảnh đất là: $15 \times 2 = 30 \text{ (m)}$ Chu vi mảnh đất là: $(15 + 30) \times 2 = 90 \text{ (m)}$ Đáp số 90m



<p><b>Bài 3: HD cặp đôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc đề bài</li> <li>- Khi quãng đường đi giảm một số lần thì số lít xăng tiêu thụ thay đổi như thế nào ?</li> <li>- Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi làm bài.</li> </ul> <p>Tóm tắt : <math>100 \text{ km} : 12 \text{ lít}</math>  <math>50 \text{ km} : \dots \text{ lít} ?</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề toán, lớp đọc thầm</li> <li>- Khi quãng đường giảm bao nhiêu lần thì số lít xăng tiêu thụ cũng giảm bấy nhiêu lần.</li> <li>- Học sinh làm bài cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo</li> </ul> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>100 km gấp 50 km số lần là:  <math>100 : 50 = 2 \text{ (lần)}</math>  Đi 50 km tiêu thụ hết số lít xăng là:  <math>12 : 2 = 6 \text{ (lít)}</math>  Đáp số: 6 lít xăng</p>
<p><b>4. HD ứng dụng: (3 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh vận dụng làm bài toán sau:</li> </ul> <p><i>Chị Hoa dệt được 72m vải trong 6 ngày. Hỏi với mức dệt như vậy, trong 24 ngày chị Hoa dệt được bao nhiêu mét vải?</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc bài toán</li> <li>- HS làm bài</li> </ul> <p style="text-align: center;">Giải :</p> <p>24 ngày gấp 6 ngày số lần là :  <math>24 : 6 = 4 \text{ (lần)}</math>  24 ngày dệt được số mét vải là :  <math>72 \times 4 = 288 \text{ (m vải)}</math>  Đáp số : 288 m vải.</p>
<p><b>5. HD sáng tạo: (2 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về nhà giải bài toán trên bằng cách khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và thực hiện</li> </ul>

**Điều chỉnh - Bổ sung:**

.....

.....

-----

**Đạo đức**

**CÓ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC LÀM CỦA MÌNH (Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU**

- Kiến thức:** Biết thế nào là có trách nhiệm về việc làm của mình. Khi làm việc gì sai biết nhận và sửa chữa.
- Kĩ năng:** Ra quyết định và kiên định bảo vệ ý kiến đúng của mình
- Thái độ:** Không tán thành với những hành vi trốn tránh trách nhiệm, đổ lỗi cho người khác.
- Năng lực:** **Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác**

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Một vài mẫu chuyện về những người có trách nhiệm trong công việc hoặc dũng cảm nhận lỗi và sửa lỗi.
  - Học sinh: SBT, vở
-